

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 146/2024/DS-PT

Ngày: 23-9-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2024, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 805/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Lê Tiên T, sinh năm: 1960; cư trú tại thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm: 2001; cư trú tại thôn I, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 5975, quyền số 02/2024TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 23/8/2024); có mặt.

- Đồng bị đơn:

1. Anh Lý Minh Đ, sinh năm: 2002; cư trú tại thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị T2, sinh năm: 1981; cư trú tại thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1717, quyền số 01-SCT/BS do Văn phòng C1 chứng thực ngày 18/10/2023); có mặt.

2. Bà Vũ Thị T2, sinh năm: 1981; cư trú tại thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đào Thị H, sinh năm: 1960; cư trú tại thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm: 2001; cư trú tại thôn I, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 5976, quyền số 02/2024TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 23/8/2024); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Vũ Thị T2, anh Lý Minh Đ – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 12/10/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/11/2023 của ông Lê Tiên T, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Minh T1, người đại diện theo ủy quyền của ông T, thì: Do có quen biết nhau nên ngày 04/12/2021 vợ chồng ông T, bà H có cho anh Lý Minh Đ vay số tiền 2.000.000.000đ, hai bên có ký hợp đồng vay, chữ viết trên hợp đồng vay tiền là của bà T2 (mẹ của anh Đ), chữ ký bên vay là của anh Đ, dòng chữ ghi “Tôi tên Lý Minh Đ đã nhận đủ số tiền (2 tỷ đồng bằng tiền mặt)” là chữ viết của anh Đ. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay kể từ ngày 04/12/2021 đến ngày 04/6/2022, anh Đ có đưa cho vợ chồng ông T, bà H 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản pho to) của thửa đất số 99, tờ bản đồ 71 và thửa đất 179, tờ bản đồ 00 để làm tin. Đến ngày 28/11/2022 anh Đ có viết giấy cam kết hẹn đến ngày 28/6/2023 sẽ lo bán vườn hoặc vay để trả số tiền trên cả gốc và lãi cho vợ chồng ông T, bà H. Tuy nhiên khi đến hạn mặc dù vợ chồng ông T, bà H đòi tiền nhiều lần nhưng anh Đ không trả mà đến ngày 11/10/2023 lại làm thủ tục chuyển nhượng 02 thửa đất nói trên cho bà Lục Thị Kim L nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Ngoài ra, ngày 08/4/2021 ông T có cho anh Đ và bà T2 vay số tiền 1.400.000.000đ, hai bên có ký giấy vay tiền, chữ viết trên giấy vay tiền là của bà T2 (mẹ của anh Đ), chữ ký bên vay là của anh Đ và bà T2. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói với nhau, thời hạn vay kể từ ngày vay đến ngày 20/4/2021. Đến hạn, ông T có đòi tiền nhiều lần nhưng anh Đ và bà T2 không trả.

Nay ông T có đơn khởi kiện yêu cầu anh Đ phải trả cho vợ chồng ông số tiền vay gốc là 2.000.000.000đ và lãi suất như sau: từ ngày 04/12/2021 đến 04/01/2024 là 25 tháng x 1,67%/tháng = 835.000.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 2.835.000.000đ.

Đối với khoản vay 1.400.000.000đ thì lãi suất được tính như sau: từ ngày 21/4/2021 đến 12/01/2024 là 32 tháng làm tròn $\times 0,83\%/tháng = 371.840.000đ$.

Tổng cả gốc và lãi là 1.771.840.000đ; yêu cầu bà T2 và anh Đ mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền; ông T đồng ý trả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản pho to) của thửa đất số 99, tờ bản đồ 71 và thửa đất 179, tờ bản đồ 00 cho anh Đ đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm để đảm bảo thi hành án.

- Theo lời trình bày của bà Vũ Thị T2, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của anh Lý Minh Đ, thì: Bà thừa nhận chữ viết trên hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2021 và trên giấy vay tiền ngày 08/4/2021 mà ông T khởi kiện là chữ viết của bà và chữ ký trên hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2021 là chữ ký của anh Đ, dòng chữ ghi “tôi tên Lý Minh Đ đã nhận đủ số tiền (2 tỷ đồng bằng tiền mặt) là chữ viết của anh Đ và trên giấy vay tiền ngày 08/4/2021 là chữ ký của anh Đ và bà.

Tuy nhiên đối với khoản vay 2.000.000.000đ ngày 04/12/2021 mà ông T đang khởi kiện anh Đ thì không phải anh Đ vay số tiền này mà bà là người vay; do bà không có tài sản để đảm bảo nên anh Đ đứng ra ký thay cho mẹ và bà là người ký thừa kế, khoản vay này không liên quan gì đến anh Đ.

Do vậy, nay ông T khởi kiện yêu cầu anh Đ phải trả cho vợ chồng ông T, bà H số tiền vay gốc là 2.000.000.000đ và lãi suất 701.400.000đ thì bà đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này.

Đối với khoản vay 1.400.000.000đ ngày 08/4/2021 thì bà và anh Đ đã trả đủ cả gốc và lãi cho ông T, do tin tưởng ông T nói sẽ xé giấy gốc đi cho nên bà không lấy giấy vay về; bà cũng không có chứng cứ về việc đã trả đủ số tiền trên cho ông T để cung cấp cho Tòa án. Do vậy, nay ông T khởi kiện yêu cầu bà và anh Đ phải trả cho vợ chồng ông T, bà H số tiền vay gốc là 1.400.000.000đ và lãi là 360.022.000đ thì bà và anh Đ không đồng ý.

- Bà Đào Thị H thống nhất với ý kiến của ông T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 37/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024; Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiên T về việc “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản*” với anh Lý Minh Đ, bà Vũ Thị T2.

- Buộc anh Lý Minh Đ có trách nhiệm trả cho ông Lê Tiên T và bà Đào Thị H số tiền 2.000.000.000đ và tiền lãi là 998.660.000đ.

- Buộc anh Lý Minh Đ và bà Vũ Thị T2 có trách nhiệm trả cho ông Lê Tiên T và bà Đào Thị H số tiền 1.400.000.000đ và tiền lãi là 438.848.666đ (trong đó

anh Đ phải trả 700.000.000đ tiền vay và 219.424.333đ tiền lãi; bà T2 phải trả 700.000.000đ tiền vay và 219.424.333đ tiền lãi).

+ Tổng số tiền buộc anh Lý Minh Đ phải trả cho ông Lê Tiến T và bà Đào Thị H là 3.918.084.333đ (trong đó 2.700.000.000đ tiền vay và 1.218.084.333đ tiền lãi).

+ Tổng số tiền buộc bà Vũ Thị T2 phải trả cho ông Lê Tiến T và bà Đào Thị H là 919.424.333đ (trong đó 700.000.000đ tiền vay và 219.424.333đ tiền lãi).

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 31/5/2024 bà Vũ Thị T2, anh Lý Minh Đ có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Bà Vũ Thị T2 vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Chị Nguyễn Thị Minh T1, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông Lê Tiến T, bà Đào Thị H không đồng ý với kháng cáo của bà T2, anh Đ; đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị T2, anh Lý Minh Đ, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Vũ Thị T2, anh Lý Minh Đ; thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của của bà Vũ Thị T2, anh Lý Minh Đ thì thấy rằng:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì: Tại giấy vay tiền ngày 04/12/2021 thể hiện nội dung vợ chồng ông Lê Tiến T, bà Đào Thị H cho anh Lý Minh Đ vay số tiền 2.000.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng; thời hạn vay từ ngày 04/12/2021 đến ngày 04/6/2022, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng.

Trước đó vào ngày 08/4/2021 bà T2, anh Đ có vay của ông T số tiền 1.400.000.000đ; thời hạn vay từ ngày 08/4/2021 đến ngày 20/4/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T2 thừa nhận vào ngày 08/4/2021 thì bà và anh Đ có vay của ông T số tiền 1.400.000.000đ, chữ ký bên người vay tiền là của bà và Lý Minh Đ. Số tiền này bà đã trả đủ cả gốc và lãi cho ông T nhưng do tin tưởng nên bà không lấy giấy vay về. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà T2 không đưa ra được căn cứ để chứng minh, ông T không thừa nhận nên không có căn cứ để xem xét đối với lời trình bày này của bà T2.

Đối với số tiền vay 2.000.000.000đ bà T2 cho rằng tại nội dung hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2021 thì anh Đ đứng ra vay của vợ chồng ông T, tuy nhiên thực tế không liên quan đến con trai của bà là anh Đ, do bà không có tài sản nên ông T yêu cầu anh Đ phải đứng ra ký nhận thay. Đồng thời, bà T2 thừa nhận chữ ký bên B (bên vay) và dòng chữ “tôi tên Lý Minh Đ đã nhận đủ tiền 2 tỷ đồng bằng tiền mặt” là của anh Đ; trong giấy vay tiền này bà T2 ký với tư cách là người thừa kế. Ông T không thừa nhận lời trình bày này của bà T2. Do đó, có căn cứ để xác định người trực tiếp vay số tiền 2.000.000.000đ là anh Đ.

Do cả bà T2, anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà T2, anh Đ trả số tiền gốc là 1.400.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 08/4/2021 và buộc anh Đ phải trả số tiền 2.000.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 04/12/2021 đồng thời buộc bên vay phải chịu tiền lãi đối với hai khoản vay trên cho vợ chồng ông T, bà H là có căn cứ.

[2.2] Quá trình giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, được Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 16/10/2023.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên là cần thiết nên cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vừa nêu là phù hợp.

Việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên được thực hiện theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng và toàn diện nội dung vụ án; bà T2 và anh Đ có đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác so với các tài liệu, chứng cứ đã nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T2 và anh Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T2 và anh Đ phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị T2, anh Lý Minh Đ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến T về việc “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản*” với anh Lý Minh Đ, bà Vũ Thị T2.

1.1. Buộc anh Lý Minh Đ có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Lê Tiến T, bà Đào Thị H số tiền 2.998.660.000đ (hai tỷ chín trăm chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); {trong đó tiền gốc là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), tiền lãi là 998.660.000đ (chín trăm chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng)}.

1.2. Buộc anh Lý Minh Đ và bà Vũ Thị T2 có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Lê Tiến T, bà Đào Thị H tiền gốc 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi là 438.848.666đ (bốn trăm ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); trong đó phần ông Đ phải trả là 700.000.000đ (bảy trăm triệu) tiền gốc và 219.424.333đ (hai trăm mười chín triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) tiền lãi; phần bà T2 phải trả là 700.000.000đ (bảy trăm triệu) tiền gốc và 219.424.333đ (hai trăm mười chín triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) tiền lãi.

Tổng số tiền anh Lý Minh Đ phải trả cho vợ chồng ông Lê Tiến T, bà Đào Thị H là 3.918.084.333đ (ba tỷ chín trăm mười tám triệu không trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) {trong đó tiền gốc là 2.700.000.000đ (hai tỷ bảy trăm triệu đồng); tiền lãi là 1.218.084.333đ (một tỷ hai trăm mười tám triệu không trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)}.

Tổng số tiền bà Vũ Thị T2 phải trả cho vợ chồng ông Lê Tiến T, bà Đào Thị H là 919.424.333đ (chín trăm mười chín triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); {trong đó tiền gốc là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng); tiền lãi là 219.424.333đ (hai trăm mười chín triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)}.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Anh Lý Minh Đ phải chịu 110.361.687đ án phí Dân sự sơ thẩm.

+ Bà Vũ Thị T2 phải chịu 39.582.730đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Anh Lý Minh Đ, bà Vũ Thị T2 mỗi người phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007076 và số 0007077 cùng ngày 24/6/2024 (bà T2 nộp thay anh Đ) của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo Lâm. Anh Đ, bà T2 đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Bảo Lâm (01);
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm (01);
- Dương sự (04);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch